

Hầu Trời

A. Nội dung tác phẩm

Đêm qua chẳng biết có hay không,
Chẳng phải hoảng hốt, không mơ màng.
Thật hồn! Thật phách! Thật thân thể!
Thật được lên tiên – sướng lạ lùng.

Nguyên lúc canh ba nằm một mình,
Vắt chân dưới bóng ngọn đèn xanh.
Nằm buồn, ngồi dậy, đun nước uống,
Uống xong ấm nước, nằm ngâm văn.

Chơi văn ngâm chán lại chơi trăng
Ra sân cùng bóng đi tung tăng
Trên Trời bỗng thấy hai cô xuống
Miệng cười mồm mỉm cùng nói rằng:

- “Trời nghe hạ giới ai ngâm nga,
Tiếng ngâm vang cả sông Ngân Hà!
Làm Trời mất ngủ, Trời đương mắng
Có hay lên đọ, Trời nghe qua.”

Ước mãi bây giờ mới gặp tiên!
Người tiên nghe tiếng lại như quen!

Văn chương nào có hay cho lắm
Trời đã sai gọi thời phải lên.

Theo hai cô tiên lên đường mây
Vù vù không cánh mà như bay.
Cửa son đỏ trói, oai rục rỡ
Thiên môn để khuyết như là đây!

Vào trông thấy Trời, sụp xuống lạy
Trời sai tiên nữ dắt lôi dây.
Ghế bành như tuyết vân như mây
Truyền cho văn sĩ ngồi chơi đây.

Chư tiên ngồi quanh đã tĩnh túc
Trời sai pha nước để nhấp giọng.
Truyền cho “văn sĩ đọc văn nghe!”
- “Dạ bẩm lạy Trời con xin đọc.”
Đọc hết văn vân sang văn xuôi
Hết văn thuyết lí lại văn chơi
Đương con đặc ý đọc đã thích
Chè trời nhấp giọng càng tốt hơi.

Văn dài hơi tốt ran cung mây!
Trời nghe, Trời cũng lấy làm hay.

Tâm như nở dạ, Cơ lè lưỡi
Hằng Nga, Chức Nữ chau đôi mày
Song Thành, Tiểu Ngọc lắng tai đứng
Đọc xong mỗi bài cùng vỗ tay.

- “Bẩm con không dám man cửa Trời
Những áng văn con in cả rồi
Hai quyển *Khôi tình* văn thuyết lí
Hai *Khôi tình con* là văn chơi
Thần tiên, Giác mộng văn tiêu thuyết
Đài gương, Lên sáu văn vị đời
Quyển *Đàn bà Tàu* lời văn dịch
Đến quyển *Lên tám* nay là mười
Nhờ Trời, văn con còn bán được
Chưa biết con in ra mấy mươi?”

Văn đã giàu thay, lại lắm lời
Trời nghe Trời cũng bật buồn cười!
Chư tiên ao ước tranh nhau dặn:
- “Anh gánh lên đây bán chợ Trời!”

Trời lại phê cho: “Văn thật tuyệt!
Văn trần được thế chắc có ít!
Nhời văn chuốt đẹp như sao băng!

Khí văn hùng mạnh như mây truyền!
Êm như gió thoảng, tinh như sương!
Đầm như mưa sa, lạnh như tuyết!
Chẳng hay văn sĩ tên họ gì?
Người ở phương nào, ta chưa biết”

- “Dạ, bẩm lạy Trời, con xin thưa
Con tên Khắc Hiếu họ là Nguyễn
Quê ở Á châu về Địa cầu
Sông Đà núi Tản nước Nam Việt.”

Nghe xong, Trời ngỡ một chút lâu
Sai bảo Thiên Tào lấy sổ xét.

Thiên tào tra sổ xét vừa xong
Đệ sổ lên trình Thượng đế trông:

- “Bẩm quả có tên Nguyễn Khắc Hiếu
Đầy xuống hạ giới vì tội ngông.”

Trời rằng: “Không phải là Trời đày,
Trời định sai con một việc này
Là việc “thiên lương” của nhân loại,
Cho con xuống thuật cùng đời hay.”

- “Bẩm Trời, cảnh con thực nghèo khó

Trần gian thước đất cũng không có
Nhờ Trời năm xưa học ít nhiều
Vốn liếng còn một bụng văn đò.
Giấy người mực người thuê người in
Mướn cửa hàng người bán phường phố.
Văn chương hạ giới rẻ như bèo
Kiếm được đồng lãi thực rất khó.
Kiếm được thời ít tiêu thời nhiều
Làm mãi quanh năm chẳng đủ tiêu.

Lo ăn lo mặc hết ngày tháng
Học ngày một kém tuổi ngày cao
Sức trong non yếu ngoài chen rấp
Một cây che chông bốn năm chiều.
Trời lại sai con việc nặng quá
Biết làm có nổi mà dám theo.”

Rằng: “Con không nói Trời đã biết
Trời dẫu ngồi cao, Trời thấu hết
Thôi, con cứ về mà làm ăn
Lòng thông chớ ngại chi sương tuyết!”

Vâng nhờ Trời dạy, lạy xin ra
Trời sai Thiên Ngưu đóng xe tiền

Xe trời đã chực ngoài thiên môn
Chư tiên theo ra cùng tiễn biệt.

Hai hàng luy biệt giọt sương rơi
Trông xuống trần gian vạn dặm khơi.
Thiên tiên ở lại, trích tiên xuống
Theo đường không khí về trần ai.

Đêm khuya khí thanh sao thưa vắng
Trăng tà đưa lối về non Đoài.
Non Đoài đã tới quê trần giới,
Trông lên chư tiên không còn ai.

Tiếng gà xao xác, tiếng người dậy
Giữa sân còn đứng riêng ngậm ngùi.
Một năm ba trăm sáu mươi đêm,
Sao được mỗi đêm lên hầu Trời!

B. Tìm hiểu tác phẩm

1. Tác giả

- Tản Đà (1889 – 1939), tên khai sinh là Nguyễn Khắc Hiếu.
- Quê ở làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc Ba Vì, Hà Nội), nằm bên bờ sông Đà, gần chân núi Tản Viên.
- Xuất thân trong buổi giao thời, Hán học đã tàn mà Tây học mới bắt đầu nên con người ông kể cả học vấn, lối sống và sự nghiệp văn chương đều mang dấu ấn *Người của hai thế kỉ* (Hoài Thanh)

- Sự nghiệp sáng tác:

+ Tản Đà nổi lên như một ngôi sao sáng trên thi đàn vào giữa những năm 20 của thế kỉ XX và là người của hai thế hệ (Nho học và Tây học) khi thơ văn của ông có thể xem như một gạch nối giữa hai thời đại văn học: trung đại và hiện đại.

+ Phong cách của Tản Đà được gói gọn trong ba chữ: sầu – mộng – nông.

- Các tác phẩm chính: *Khởi tình con I, II* (thơ, 1916 – 1918), *Khởi tình bản chính, Khởi tình bản phụ* (luận thuyết, 1918), *Giấc mộng con I, II* (Truyện phiêu lưu viễn tưởng, 1916, 1932), *Thơ Tản Đà* (1925), *Còn chơi* (Thơ và văn xuôi, 1921), *Giấc mộng lớn* (Tự truyện, 1928)...

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ: Bài thơ in trong tập *Còn chơi*, xuất bản lần đầu năm 1921.

b. Thể loại: Thất ngôn trường thiên.

c. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm.

d. Ý nghĩa nhan đề: Bài thơ có nhan đề mới nghe qua có vẻ lạ, nhưng nếu biết tác giả là thi sĩ Tản Đà thì ta có thể hiểu được vì sao lại có cái nhan đề *Hầu Trời* ấy. Qua nhan đề *Hầu Trời*, dường như tác giả muốn thể hiện khát vọng muốn khẳng định chính mình giữa cuộc đời và vừa thể hiện lãng mạn, bay bổng vừa cái nông của mình.

e. Bố cục: 4 phần

- Phần 1 (Năm khổ thơ đầu): Lí do được lên trời đọc thơ.

- Phần 2 (Tám khổ tiếp theo): Diễn biến và quang cảnh của buổi đọc thơ trên trời với sự đón tiếp đầy trân trọng.

- Phần 3 (Bốn khổ tiếp theo): Lời trần tình của tác giả về cảnh ngộ ở trần gian, về nghề văn của mình.

- Phần 4 (Phần còn lại): Cảm nghĩ của tác giả khi về lại trần gian.

f. Giá trị nội dung: Bài thơ *Hầu trời* của Tản Đà đã bộc lộ cái tôi cá nhân, một cái tôi nông, phóng túng, tự ý thức về tài năng, giá trị đích thực của mình; và khao khát được khẳng định mình giữa cuộc đời.

g. Nghệ thuật:

- Thể thơ thất ngôn trường thiên khá tự do, không bị ràng buộc bởi khuôn mẫu kết cấu nào, nguồn cảm xúc được bộc lộ thoải mái, tự nhiên, phóng túng
- Ngôn ngữ thơ chọn lọc, tinh tế, gợi cảm, giản dị không cách điệu, ước lệ.
- Cách kể chuyện hóm hỉnh, có duyên, lôi cuốn được người đọc.

C. Đọc hiểu tác phẩm

1. Lí do và thời điểm nhân vật trữ tình hầu trời

*Tình huống:

- Trong đêm, tiếng ngâm thơ vang cả sông Ngân Hà → Trời mất ngủ nên cho mời nhà thơ hầu trời.
 - Cách vào đề dùng lối nói phủ định: *không mơ màng, chẳng phải hoảng hốt*
 - Bốn câu khẳng định: *Thật hồn...*
- Vừa tạo cảm giác đây là cốt câu chuyện không có thật (mơ), vừa tạo được niềm tin rằng đây là câu chuyện có thật.
- ⇒ Cách vào đề thật độc đáo và có duyên, tạo không khí kì, hấp dẫn, kích thích sự tò mò của người đọc.

2. Nhân vật thi sĩ hầu chuyện với nhà vua

a. Thi sĩ đọc thơ cho trời và chư tiên nghe

- Không khí ở trời với cách đón tiếp (để ghế cho ngồi, pha nước cho uống, chư tiên im lặng hai bên) → Rất phù hợp với buổi đọc thơ.
- Thi sĩ rất cao hứng và có phần tự đắc *đương cơn đắc ý đọc đã thích, văn dài hơi tốt ran cùng mây, Trời nghe, Trời cũng lấy làm hay, Chư tiên biết con in ra mấy mươi?, Văn đã giàu thay, lại lắm lời...*
- Chư tiên và nhà trời vừa xúc động, tán thưởng, hâm mộ: *Tâm như nở dạ, cơ lè lưỡi, Hằng Nga, Chức Nữ chau đôi mày, Song Thành, Tiểu Ngọc lắng tai đứng, Đọc xong mỗi bài cùng vỗ tay.....*

- Khen một cách nhiệt thành *văn thật tuyệt, Nời văn chuốc đẹp như sao băng, Khí văn hùng mạnh như mây chuyển! Êm như gió thoảng, tinh như sương! Đằm như mưa sa, lạnh như tuyết!...*

→ Cái tôi của Tản Đà ngông nghênh, độc đáo, cá tính, lãng mạn.

- Ý thức rõ về tài năng thơ văn của mình:

+ Tìm tri kỉ ở tận cõi trời → Khao khát được khẳng định tài năng trước cuộc đời.

+ Tư tưởng thoát li mang màu sắc lãng mạn.

b. Thi sĩ giới thiệu về mình

- Họ tên, quê sông Đà, núi Tản nước Nam Việt → Ý thức cá nhân, dân tộc đậm nét.

- Thân thế: Một vị trich tiên bị đày xuống hạ giới vì tội ngông.

- Thiên chức: Truyền bá thiên lương, làm hưng thịnh ở hạ giới → Đề cao sự cao cả, tốt đẹp, trọng trách ở bản thân.

⇒ Ý thức trách nhiệm và khát khao được gánh vác việc đời.

c. Thi nhân nói về tình cảnh của kẻ theo đuổi nghề văn

- Nghề văn cũng là một nghề kiếm sống nhưng bèo bọt.

- Cuộc sống cơ cực, nghèo khó, không tác đất cắm dùi, thân phận bị rẻ rúng, bị o ép nhiều chiều.

- Giọng thơ chua chát, xót xa.

D. Sơ đồ tư duy

